

Bản án số: 1174/2019/DS-PT
Ngày: 03-12-2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thảo

Bà Vũ Thị Xuân Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 11 và 03 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 497/DSPT ngày 15/10/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 240/2019/DS-ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5415/2019/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh V, năm 1976.

Địa chỉ: số 19 đường x, khu phố Y, phường HP, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Bích H, sinh năm 1977. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 106 NQ, Phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 16/7/2017).

Bị đơn: Bà Võ Thị E, sinh năm 1949;

Bà Võ Thị A, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: số 1197 đường LB, phường TS, quận PT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Lưu Tuấn L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp Nguyệt Lăng A, xã BP, huyện CL, tỉnh Trà Vinh. (Văn bản ủy

quyền ngày 18/12/2017 và ngày 17/4/2018). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 09/3/2017 qua sự giới thiệu của ông Lê Vinh Hoài B là Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng Thương mại cổ phần P, chi nhánh BT (phòng giao dịch HD chi nhánh BT) địa chỉ 11-13 Ấ, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, ông V có cho bà Võ Thị E và bà Võ Thị A vay số tiền 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng) để tất toán khoản nợ của bà E và bà A tại Ngân hàng NA, sau đó giải chấp tài sản là nhà và đất số 39/2 đường LT, phường BHH, quận B, Thành phố X để thế chấp vay lại tại Ngân hàng Thương mại cổ phần P, chi nhánh BT (phòng giao dịch HD chi nhánh BT). Nguyên đơn giao tiền cho bà Võ Thị E và bà Võ Thị A lần 1 tại Ngân hàng NA ngày 09/3/2017, giao dịch lần 2 tại phòng làm việc của ông Lê Vinh Hoài B tại phòng giao dịch HD chi nhánh BT theo giấy nhận nợ ngày 09/3/2017.

Khi vay tiền, bà Võ Thị E và bà Võ Thị A cam kết sau 7 ngày sẽ dùng tài sản là căn nhà và đất số 39/2 đường LT, phường BHH, quận B, Thành phố X để làm hồ sơ thế chấp vay lại tại ngân hàng HD chi nhánh BT trả lại tiền vay cho ông V.

Tuy nhiên, qua 7 ngày kể từ ngày làm hồ sơ vay ngân hàng HD nhưng bà Võ Thị E và bà Võ Thị A không trả tiền cho ông V. Nhiều lần nguyên đơn điện thoại hỏi thì bà E, bà A và ông B trả lời là hồ sơ vay chưa xong nên chưa giải ngân trả tiền lại cho ông được. Do thấy việc trả lời của bà A, bà E và ông B là vòng vo, cố tình lẩn tránh nên ông V đã nhờ người quen tìm hiểu thông tin thì được biết hồ sơ vay của bà E và bà A đã được phòng giao dịch HD chi nhánh BT giải ngân cho vay vào ngày 15/3/2017.

Từ đó đến nay nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bà A và bà E trả tiền nhưng bà E, bà A không trả.

Nay ông Huỳnh Thanh V khởi kiện yêu cầu Tòa án: Buộc bà Võ Thị E và bà Võ Thị A phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã nhận là 1.900.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn sơ thẩm, trong suốt quá trình tố tụng và xét xử, bị đơn bà Võ Thị E và bà Võ Thị A, có người đại diện theo ủy quyền là ông Lưu Tuấn L vắng mặt và không có lời khai.

Bản án sơ thẩm số 240/2019/DS-ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228, 238, 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 280, 288, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 2, 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; 30; 31 của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; Khoản 2 Điều 26, 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh V đối với bị đơn bà Võ Thị A và bà Võ Thị E về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1. Buộc bà Võ Thị E và bà Võ Thị A phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Thanh V số tiền số 1.010.000.000 (một tỷ không trăm mười triệu) đồng và tiền lãi suất 217.655.000 (hai trăm mười bảy triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn) đồng. Tổng số tiền phải trả là 1.227.655.000 (một tỷ hai trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn) đồng theo giấy mượn tiền để trả nợ ngày 09/3/2017 (BL.90), một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc bà Võ Thị A phải có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Thanh V số tiền gốc 890.000.000 (tám trăm chín mươi triệu) đồng và tiền lãi suất 191.795.000 (một trăm chín mươi một triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn) đồng. Tổng số tiền phải trả là 1.081.795.000 (một tỷ không trăm tám mươi một triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn) đồng theo giấy mượn tiền để trả nợ ngày 09/3/2017 (BL.91), một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc bà Võ Thị E và bà Võ Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.829.650 (bốn mươi tám triệu tám trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi) đồng.

3.2. Buộc bà Võ Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 44.453.850 (bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn tám trăm năm mươi) đồng.

3.3. Hoàn trả cho ông Huỳnh Thanh V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 34.500.000 (ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0010068 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Viện trưởng viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 27/8/2019, bị đơn bà Võ Thị A có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 240/2019/DS-ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Lý do kháng cáo: không đồng ý với toàn bộ nội dung bản án. Yêu cầu Tòa phúc thẩm: Xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm số 240/2019/DS-ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09/9/2019, bà Võ Thị A bổ sung đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 240/2019/DS-ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27/8/2019, bị đơn bà Võ Thị E có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 240/2019/DS-ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân quận T. Lý do kháng cáo: không đồng ý với toàn bộ nội dung bản án. Yêu cầu Tòa phúc thẩm: Xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm số 240/2019/DS-ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Ngày 09/9/2019, bà Võ Thị E bổ sung đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 240/2019/DS-ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung kháng cáo của đương sự, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Quá trình giải quyết xét xử sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng trong việc tổng đạt triệu tập bị đơn tham gia tố tụng, ảnh hưởng đến quyền tham gia phiên tòa của bị đơn. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự hủy bản án sơ thẩm. Ngoài ra, bản án sơ thẩm không đề cập giải quyết đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 19/2018/QĐ-BPKCTT ngày 27-12-2019 cũng là một thiếu sót.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của các đương sự đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Võ Thị E, bà Võ Thị A và trình bày của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền tại phiên tòa phúc thẩm yêu cầu hủy bản

bản án sơ thẩm:

Giai đoạn sơ thẩm, bị đơn là bà Võ Thị E và bà Võ Thị A đã ủy quyền cho ông Lưu Tuấn L làm người đại diện tham gia tố tụng trong vụ án, theo các Văn bản ủy quyền ngày 18-12-2017 và ngày 17-4-2018. Các văn bản ủy quyền này đều được công chứng và hợp pháp, địa chỉ người được ủy quyền là ông Lưu Tuấn L ghi tại văn bản ủy quyền là Ấp NL, BP, CL, TX.

Quá trình Tòa án sơ thẩm thu thập chứng cứ vụ án cũng như áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, ông Lưu Tuấn L đã thực hiện công việc được ủy quyền, tham gia tố tụng trong vụ án.

Ngày 26-3-2019, Tòa án nhân dân quận T có Phiếu xác minh và có kết quả trả lời của Công an xã BP, huyện CL nội dung *“Đương sự Lưu Tuấn L có đăng ký thường trú tại Ấp NL, BP, CL, TX. Hiện tại đương sự không có mặt tại địa phương. Hiện nay Lưu Tuấn L chuyển đến đâu thì không rõ”*.

Tại Biên bản phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 04-5-2019 và 07-6-2019 thể hiện ngoài địa chỉ thường trú của ông Lưu Tuấn L theo văn bản ủy quyền nêu trên còn ghi *“Địa chỉ nơi ở: C3/45A đường C3, ấp I, xã B, huyện C, Thành phố X”*.

Phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần mở phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền là ông Lưu Tuấn L đều vắng mặt. Sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Xét thấy:

Sơ thẩm thực hiện tổng đạt giấy triệu tập ông Lưu Tuấn L tham gia phiên tòa lần thứ hai mở vào ngày 09-8-2019 theo thủ tục niêm yết công khai, nhưng ngày niêm yết là 05-8-2019 là chưa đủ thời hạn 15 ngày theo quy định tại khoản 3 Điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại các Biên bản hòa giải ngày 04-5-2018 và 07-6-2019 của Tòa án nhân dân quận T thể hiện có địa chỉ nơi ở mới của ông Lưu Tuấn L, khác với địa chỉ theo văn bản ủy quyền nhưng sơ thẩm không tổng đạt các văn bản tố tụng theo địa chỉ mới của đương sự cung cấp mà lại thực hiện niêm yết ở địa chỉ cũ.

Khi thực hiện thủ tục niêm yết công khai, người thực hiện việc tổng đạt đã không lập biên bản về việc không thực hiện được việc tổng đạt, theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Như vậy, việc tổng đạt văn bản triệu tập đương sự của cấp sơ thẩm như trên là không đúng đã ảnh hưởng đến quyền được tham gia phiên tòa của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, do đó phải hủy bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận.

[3] Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời do Tòa án nhân dân quận Tân Phú ban hành: Bản án sơ thẩm không đề cập đối với biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng là một thiếu sót, như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm. Xét thấy việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ được thực hiện theo thủ tục tố tụng quy định tại

chương VIII của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 19/2018/QĐ-BPKCTT ngày 27-12-2019 của Tòa án nhân dân quận T áp dụng để đảm bảo cho việc thi hành án, hiện vẫn duy trì hiệu lực và sẽ được giải quyết theo thủ tục quy định tại chương VIII của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tuy nhiên khi xét xử thì cần phải thể hiện, nêu trong bản án việc duy trì đối với biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị A và bà Võ Thị E;

Hủy Bản án sơ thẩm số 240/2019/DS-ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Tân Phú để giải quyết lại sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Hoàn trả tiền tạm ứng cho Bà Võ Thị A và bà Võ Thị E mỗi người 300.000 đồng (Biên lai thu AA/2018/0012826 ngày 25-9-2019 và AA/2018/0012825 ngày 25-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, TPHCM).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS Tân Phú, TPHCM;
- TAND quận Tân Phú, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS; (20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Giảng